

BIỂU 01: THỐNG KÊ SỐ ĐIỂM NGUY CƠ THIÊN TAI VÀ SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG*(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Lào Cai)*

STT	Địa điểm	Tổng số điểm có nguy cơ xảy ra thiên tai	Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng	Các loại hình thiên tai						Ghi chú
				Ngập lụt		Sạt lở đất		Lũ quét		
				Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	
	Các xã, phường	3.428	23.163	404	9.301	2.795	12.715	229	1.147	
1	Phường Lào Cai	26	307	6	106	20	201			
2	Phường Cam Đường	25	143			25	143			
3	Phường Sa Pa	59	99	2	3	57	96			
4	Phường Yên Bái	40	3.917		3.036	40	881			
5	Phường Nam Cường	129	1.989	15	1.658	114	331			Mực nước lũ sông Hồng qua địa bàn đạt mức trên 33,5 m (trên báo động 3 từ 1,5 m trở lên) kết hợp với mưa lớn, mưa cực đoan trên địa bàn.
6	Phường Âu Lâu	58	1.174	27	1.064	31	110			
7	Phường Văn Phú	34	531	20	466	14	65			
8	Phường Cầu Thia	67	122	34	34	12	67	21	21	
9	Phường Nghĩa Lộ	10	294		50	10	119		125	
10	Phường Trung tâm	2	20			2	20			
11	Xã Hung Khánh	52	35	12		33	9	7	26	
12	Xã Lương Thịnh	39	80	5	9	30	57	4	14	
13	Xã Liên Sơn	8	77		7	8	63		7	
14	Xã Trấn Yên	81	206	38	158	17	26	26	22	
15	Xã Châu Quế	302	302	12	12	271	271	19	19	
16	Xã Đông Cuông	32	122			32	122			
17	Xã Lâm Giang	260	373	70	70	160	273	30	30	
18	Xã Mỏ Vàng	25	40			25	40			
19	Xã Phong Dụ Thượng	32	121	1	43	29	72	2	6	
20	Xã Phong Dụ Hạ	72	235	-	-	71	227	1	8	
21	Xã Mậu A	52	1.189		1.068	52	85		36	
22	Xã Tân Hợp	70	132	35	35	31	93	4	4	
23	Xã Xuân Ái	124	-			124	-			
24	Xã Bảo Ái	4	84		9	4	67		8	
25	Xã Cẩm Nhân	12	49			12	45		4	
26	Xã Yên Thành	13	8			13	6		2	
27	Xã Yên Bình	20	275		17	20	258			
28	Xã Thác Bà	5	9			5	9			
29	Xã Văn Chấn	10	194		3	10	137		54	
30	Xã Tú Lệ	15	52		2	15	1		49	
31	Xã Gia Hội	3	38			3	9		29	
32	Xã Nghĩa Tâm	26	114	4	30	20	80	2	4	

STT	Địa điểm	Tổng số điểm có nguy cơ xảy ra thiên tai	Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng	Các loại hình thiên tai						Ghi chú
				Ngập lụt		Sạt lở đất		Lũ quét		
				Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	
33	Xã Sơn Lương	13	171	1	-	11	169	1	2	
34	Xã Thượng Bằng La	5	14		1	5	9		4	
35	Xã Cát Thịnh	7	297			6	293	1	4	
36	Xã Chân Thịnh	8	56		30	8	20		6	
37	Xã Tà Xi Láng	6	211	-	-	6	211	-	-	
38	Xã Trạm Tấu	13	37			13	37			
39	Xã Hạnh Phúc	5	41		10	5	31			
40	Xã Phình Hồ	9	60	1	7	6	42	2	11	
41	Xã Lục Yên	40	192	2	82	38	110			
42	Xã Tân Lĩnh	33	106	14	20	15	66	4	20	
43	Xã Khánh Hòa	159	219	1	2	157	214	1	3	
44	Xã Phúc Lợi	16	94	1	27	13	53	2	14	
45	Xã Mường Lai	186	186			186	186			
46	Xã Lâm Thượng	27	180		5	27	162		13	
47	Xã Chế Tạo	21	8			20		1	8	
48	Xã Khao Mang	16	47		2	16	43		2	
49	Xã Lao Chải	10	913			10	907		6	
50	Xã Púng Luông	6	17		7	6	-		10	
51	Xã Mù Cang Chải	31	67	1	18	26	28	4	21	
52	Xã Nậm Có	5	26			5	5		21	
53	Xã Việt Hồng	36	117	14	108	22	9			
54	Xã Quy Mông	40	190	30	178	7	7	3	5	
55	Xã Hợp Thành	7	7			7	-		7	
56	Xã Cốc San	77	726	6	20	63	700	8	6	
57	Xã Bảo Thắng	41	46			41	46			
58	Xã Gia Phú	37	294	12	150	19	99	6	45	
59	Xã Tằng Loỏng	18	219	3	111	15	108			
60	Xã Xuân Quang	59	95			59	95			
61	Xã Phong Hải	4	27			4	27			
62	Xã Tà Cù Tý	7	26	2	-	3	26	2	-	
63	Xã Bản Liên	88	49	3		83	4	2	45	
64	Xã Bắc Hà	28	1.236	3	35	25	1.201			
65	Xã Lũng Phình	7	90			7	90			
66	Xã Cốc Lầu	36	192			26	168	10	24	
67	Xã Bảo Nhai	14	146			14	146			
68	Xã Bát Xát	25	103			25	103			
69	Xã Bản Xèo	10	76			10	76			
70	Xã Trịnh Tường	16	110			16	110			
71	Xã Mường Hum	51	256			21	190	30	66	

STT	Địa điểm	Tổng số điểm có nguy cơ xảy ra thiên tai	Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng	Các loại hình thiên tai						Ghi chú
				Ngập lụt		Sạt lở đất		Lũ quét		
				Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Số điểm nguy cơ	Số hộ dân bị ảnh hưởng	
72	Xã Dền Sáng	6	64			6	64			
73	Xã A Mú Sung	11	20			11	20			
74	Xã Y Tý	40	24	-	-	40	24	-	-	
75	Xã Bảo Yên	36	397			19	152	17	245	
76	Xã Bảo Hà	25	148	5	31	15	108	5	9	
77	Xã Phúc Khánh	25	89			24	77	1	12	
78	Xã Xuân Hòa	29	389	6	218	21	126	2	45	
79	Xã Nghĩa Đô	13	151			13	151			
80	Xã Thượng Hà	25	230			25	230			
81	Xã Dương Quý	14	105	2	15	10	80	2	10	
82	Xã Nậm Xé	6	25	2	10	3	15	1	-	
83	Xã Minh Lương	20	209			15	209	5		
84	Xã Nậm Chày	7	33			4	18	3	15	
85	Xã Khánh Yên	6	42			6	42			
86	Xã Chiềng Ken	7	79			7	79			
87	Xã Võ Lao	19	144	7	100	12	44			
88	Xã Văn Bàn	42	241	3	60	39	181			
89	Xã Bản Lầu	24	61			24	61			
90	Xã Pha Long	15	60			15	60			
91	Xã Cao Sơn	10	98			10	98			
92	Xã Mường Khương	14	99	2	12	12	87			
93	Xã Tả Van	11	198			11	198			
94	Xã Tả Phìn	4	96			4	96			
95	Xã Mường Bo	18	173			18	173			
96	Xã Bản Hồ	26	57			26	57			
97	Xã Ngũ Chi Sơn	22	65			22	65			
98	Xã Sín Chéng	19	132			19	132			
99	Xã Si Ma Cai	10	456	2	162	8	294			